

COPAかしわ溶岩焼き ビギビギビギナークラス 6月23日(日)

[出場チーム]

Aグループ

CRATCH FC
FC KAMONEGI
SPLASH
FC CROWN

Bグループ

高粱
サルゲッチュ
Durazno KC
Peace

[予選リーグ・決勝トーナメント]7分-1分-7分 [交流戦]10分 1本

グループ	コート	時間	対戦カード	第2審判
Aグループ	Aコート	第1試合 13:15	CRATCH FC 0 vs 3 FC KAMONEGI	FC CROWN
		第2試合 13:40	SPLASH 1 vs 1 FC CROWN	CRATCH FC
		第3試合 14:05	CRATCH FC 5 vs 0 SPLASH	FC CROWN
		第4試合 14:30	FC KAMONEGI 0 vs 2 FC CROWN	SPLASH
		第5試合 14:55	CRATCH FC 3 vs 1 FC CROWN	FC KAMONEGI
		第6試合 15:20	FC KAMONEGI 0 vs 3 SPLASH	CRATCH FC
Bグループ	Bコート	第1試合 13:15	高粱 0 vs 1 サルゲッチュ	Peace
		第2試合 13:40	Durazno KC 0 vs 0 Peace	高粱
		第3試合 14:05	高粱 1 vs 2 Durazno KC	Peace
		第4試合 14:30	サルゲッチュ 1 vs 1 Peace	Durazno KC
		第5試合 14:55	高粱 2 vs 3 Peace	サルゲッチュ
		第6試合 15:20	サルゲッチュ 2 vs 1 Durazno KC	高粱
決勝トーナメント	Aコート	準決勝	16:00 CRATCH FC 1 vs 3 Peace	Aグループ4位
	Bコート	準決勝	16:00 サルゲッチュ 3 vs 1 FC CROWN	Bグループ4位
	Bコート	決勝	16:25 サルゲッチュ 2 vs 1 Peace	

Aグループ

	CRATCH FC	FC KAMONEGI	SPLASH	FC CROWN	勝点	得点	失点	得失点差	順位
CRATCH FC	x	0 - 3	5 - 0	3 - 1	6	8	4	4	1
FC KAMONEGI	3 - 0	x	0 - 3	0 - 2	3	3	5	-2	4
SPLASH	0 - 5	3 - 0	x	1 - 1	4	4	6	-2	3
FC CROWN	1 - 3	2 - 0	1 - 1	x	4	4	4	0	2

Bグループ

	高粱	サルゲッチュ	Durazno KC	Peace	勝点	得点	失点	得失点差	順位
高粱	x	0 - 1	1 - 2	2 - 3	0	3	6	-3	4
サルゲッチュ	1 - 0	x	2 - 1	1 - 1	7	4	2	2	1
Durazno KC	2 - 1	1 - 2	x	0 - 0	4	3	3	0	3
Peace	3 - 2	1 - 1	0 - 0	x	5	4	3	1	2

決勝トーナメント

